

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp bộ dụng cụ phẫu thuật thẩm mỹ năm 2025.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 6 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Chủ đầu tư.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trước 15 giờ, ngày 22/10/2025.
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
  - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
  - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP.HCM

Người liên hệ: Nguyễn Thị Thảo Nhân      Số điện thoại: 028.3952.5239

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa

Trân trọng./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đầu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J19-035-nttnhan) (2)

TU. GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



Handwritten signature or initials in blue ink.

**PHỤ LỤC – DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ**  
(Kèm theo Công văn số ..5157../BVĐHYD-VTTB ngày ..09../..10../2025)

| STT | Tên danh mục<br>mời chào giá                  | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|-----|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
| 1   | Cán dao mổ số 3, dài 125-130mm                | Cán dao mổ<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 125-130mm<br>- Loại: số 3<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                                                                 | Cái            | 08          |
| 2   | Nhíp Adson Micro có mẫu, dài 120-125mm        | Nhíp Adson Micro có mẫu<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 120-125mm<br>- Loại: mảnh, thẳng, ngàm có răng 1x2, ngàm rộng 0.8mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                          | Cái            | 22          |
| 3   | Nhíp phẫu tích Adson, cán vàng, dài 120-125mm | Nhíp phẫu tích<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 120-125mm<br>- Loại: Adson, thẳng, ngàm có răng chéo, ngàm rộng 1.2mm<br>- Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide, cán vàng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA | Cái            | 17          |
| 4   | Nhíp mô thẳng, dài 130-135mm                  | Nhíp mô<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 130-135mm<br>- Loại: thẳng, ngàm có răng 1x2, ngàm rộng 1.5mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                                | Cái            | 17          |
| 5   | Kéo phẫu tích Metzenbaum, mảnh, dài 145-150mm | Kéo phẫu tích<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 145-150mm<br>- Loại: Metzenbaum, cong, mũi tù/tù, mảnh<br>- Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide, cán vàng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                 | Cái            | 07          |
| 6   | Kéo phẫu tích Metzenbaum, dài 145-150mm       | Kéo phẫu tích<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 145-150mm<br>- Loại: Metzenbaum, cong, mũi tù/tù, cán vàng<br>- Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                       | Cái            | 09          |

| STT | Tên danh mục<br>mời chào giá                      | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|-----|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
| 7   | Kéo phẫu tích<br>cong, dài 110-<br>115mm          | Kéo phẫu tích cong<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 110-115mm<br>- Loại: Iris supercut mảnh, cong, siêu bén, mũi nhọn/nhọn, cán đen<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                    | Cái            | 20          |
| 8   | Kéo phẫu tích<br>Mayo thẳng,<br>dài 140-<br>145mm | Kéo phẫu tích<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 140-145mm<br>- Loại: Mayo, thẳng, mũi tù/tù<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                             | Cái            | 13          |
| 9   | Kẹp mang kim,<br>dài 130-<br>135mm                | Kẹp mang kim<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 130-135mm<br>- Loại: Webster, thẳng, bước răng 0.4mm<br>- Ngâm: chất liệu Tungsten Carbide, cán vàng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA     | Cái            | 21          |
| 10  | Kẹp mang kim,<br>dài 140-<br>145mm                | Kẹp mang kim<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 140-145mm<br>- Loại: Baumgartner, thẳng, bước răng 0.5mm<br>- Ngâm: chất liệu Tungsten Carbide, cán vàng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA | Cái            | 07          |
| 11  | Kẹp cầm máu<br>cong, dài 100-<br>105mm            | Kẹp cầm máu<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 100-105mm<br>- Loại: Mosquito, mảnh, cong, ngâm có răng ngang<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                             | Cái            | 37          |
| 12  | Móc da đơn,<br>dài 180-<br>185mm                  | Móc da đơn<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 180-185mm<br>- Loại: Gillies, nhỏ, 1 răng nhọn, độ sâu của đầu 4.0mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                       | Cái            | 17          |

| STT | Tên danh mục<br>mời chào giá                  | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|-----|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
| 13  | Banh vết<br>thương, dài<br>160-165mm          | Banh vết thương<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 160-165mm<br>- Loại: Senn - Miller, 2 đầu, 1 đầu nhọn 3 răng, 1 đầu tù<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                     | Cái            | 08          |
| 14  | Kẹp sãng,<br>nhọn, dài 80-<br>90mm            | Kẹp sãng<br>-Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 80-90mm<br>- Loại: cong, răng 1x1, nhọn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                                                            | Cái            | 17          |
| 15  | Dũa xương, dài<br>200-205mm                   | Dũa xương<br>-Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 200-205mm<br>- Loại: Miller, cong, 02 đầu rộng 4.3mm, 6mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                                         | Cái            | 01          |
| 16  | Dụng cụ nâng<br>cơ xương, dài<br>185-190mm    | Dụng cụ nâng cơ xương<br>-Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 185-190mm<br>- Loại: Syme, cong, hai đầu, đầu nhọn/nhọn, lưỡi rộng 4mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                | Cái            | 01          |
| 17  | Thìa nạo<br>xương, dài<br>170-175mm           | Thìa nạo xương<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 170-175mm<br>- Loại: số 0, thẳng, rộng ngàm 3.4mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                                           | Cái            | 01          |
| 18  | Cán dao mổ số<br>4, dài 135-<br>140mm         | Cán dao mổ<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 135-140mm<br>- Loại: số 4<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                                                                       | Cái            | 03          |
| 19  | Nhíp phẫu tích,<br>cán vàng, dài<br>145-150mm | Nhíp phẫu tích<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 145-150mm<br>- Loại: chuẩn, thẳng, mảnh, ngàm có răng chéo, ngàm rộng 1.3mm<br>- Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide, cán vàng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA | Cái            | 04          |

| STT | Tên danh mục<br>mời chào giá                            | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|-----|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
| 20  | Nhíp mô thẳng,<br>dài 145-<br>150mm                     | Nhíp mô<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 145-150mm<br>- Loại: thẳng, ngàm có răng 1x2, ngàm rộng 1.5mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                 | Cái            | 03          |
| 21  | Nhíp Adson<br>không mẫu, dài<br>120-125mm               | Nhíp không mẫu<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 120-125mm<br>- Loại: Adson, mảnh, thẳng, ngàm có răng ngang, ngàm rộng 1.5mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                           | Cái            | 08          |
| 22  | Kéo phẫu tích<br>thẳng, dài 110-<br>115mm               | Kéo phẫu tích thẳng<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 110-115mm<br>- Loại: mảnh, thẳng, mũi nhọn/nhọn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                   | Cái            | 03          |
| 23  | Kéo phẫu tích<br>Mayo, thẳng,<br>dài 170-<br>175mm      | Kéo phẫu tích<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 170-175mm<br>- Loại: Mayo, thẳng, mũi tù/tù<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                             | Cái            | 05          |
| 24  | Kéo phẫu tích<br>Metzenbaum,<br>cong, dài 180-<br>185mm | Kéo phẫu tích<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 180-185mm<br>- Loại: Metzenbaum, cong, mũi tù/tù<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                        | Cái            | 09          |
| 25  | Kẹp mang kim,<br>thẳng, dài 180-<br>185mm               | Kẹp mang kim<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 180-185mm<br>- Loại: Hegar- Mayo, thẳng, bước răng 0.5mm<br>- Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide, cán vàng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA | Cái            | 04          |
| 26  | Kẹp mang kim,<br>dài 145-<br>150mm, bước<br>răng 0.4mm  | Kẹp mang kim<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 145-150mm<br>- Loại: Crile- Wood thẳng, bước răng 0.4mm<br>- Ngàm: chất liệu Tungsten Carbide, cán vàng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA  | Cái            | 05          |

| STT | Tên danh mục<br>mời chào giá                   | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|-----|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
| 27  | Kẹp mang kim,<br>dài 150-<br>160mm             | Kẹp mang kim<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 150-160mm<br>- Loại: Hegar- Mayo thẳng, bước răng 0.5mm<br>- Ngâm: chất liệu Tungsten Carbide, cán vàng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA | Cái            | 09          |
| 28  | Kẹp cầm máu,<br>cong, dài 120-<br>125mm        | Kẹp cầm máu<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 120-125mm<br>- Loại: Halsted - Mosquito, cong, mảnh, ngâm có răng ngang, mảnh<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                            | Cái            | 08          |
| 29  | Kẹp cầm máu<br>cong, dài 180-<br>185mm         | Kẹp cầm máu<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 180-185mm<br>- Loại: Crile, cong, ngâm có răng ngang, mảnh<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                               | Cái            | 13          |
| 30  | Móc da đôi, dài<br>160-165mm                   | Móc da đôi<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 160-165mm<br>- Loại: Joseph, 2 răng nhọn, đầu rộng 3mm, độ sâu của đầu 4.2mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                              | Cái            | 05          |
| 31  | Banh vết thương, hai<br>đầu, dài 210-<br>220mm | Banh vết thương<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 210-220mm<br>- Loại: US-Army, 2 đầu<br>- Quy cách: 2 cái/ bộ<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                         | Cái            | 03          |
| 32  | Kẹp sãng,<br>nhọn, dài 80-<br>90mm             | Kẹp sãng<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 80-90mm<br>- Loại: cong, răng 1x1, nhọn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                                                     | Cái            | 22          |
| 33  | Ống hút, cong,<br>dài 225-<br>250mm            | Ống hút, bao gồm vỏ, nòng<br>- Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 220-225mm<br>- Loại: Pool, cong, đường kính 7.5-8mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA                                        | Cái            | 03          |

| STT | Tên danh mục<br>mời chào giá | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản                                                                                                                                                           | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng |
|-----|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|
| 34  | Dũa xương, dài<br>195-200mm  | Dũa xương<br>-Vật liệu: Thép không gỉ đạt tiêu chuẩn EN ISO 7153-1<br>- Kích thước: dài 195-200mm<br>- Loại: Miller, cong, 02 đầu rộng 5mm, 8mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/MDR/FDA | Cái            | 01          |